

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-ST
Ngày 21 – 9 - 2020
*V/v: tranh chấp hợp đồng
vay, mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Diệu

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mạnh

2. Ông Y Ben Êban

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CưM'gar tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Thủy – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Cư M'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST - DS ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay, mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2020/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST – DS ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hà Thị V (tên gọi khác: O) và ông Huỳnh Mộng H - *Có mặt*

Địa chỉ: Đội 1, Buôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắklăk

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T – *vắng mặt*

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị T1 – *vắng mặt*

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H trình bày:

Bà V và ông H chỉ có mối quan hệ quen biết vay mượn và mua bán với ông Lê Văn T. Trong quá trình mua bán và vay mượn, ông T có nợ của bà V và ông H số tiền 15.804.000 đồng cụ thể như sau: Vào ngày 01/7/2018 ông T có đến đại lý của bà V và ông H mua 14 bao phân trị giá 8.820.000 đồng, cộng thêm nợ cũ tiền phân ngày 15/02/2017 là 1.984.000 đồng, mượn thêm 2.000.000 đồng. Tổng cộng 12.804.000 đồng. Đến ngày 26/7/2018 ông T vay thêm 3.000.000 đồng hẹn đến 20/12/2018 trả hết các khoản nợ trên nhưng sau đó đến ngày 29/12/2018 bà T1 vợ ông T mới trả cho ông T được 7.328.000 đồng. Nay bà V và ông H làm đơn khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T phải trả cho bà V và ông H số tiền 8.512.000 đồng và tiền lãi suất phát sinh 10%/năm tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đến khi ông T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ

Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông Lê Văn T chỉ viết bản tự khai, bà Vũ Thị T1 vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bà T1, mở phiên họp vắng ông T và bà T1 và không hòa giải được.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán: đã tuân thủ cơ bản đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280; 430, 463; 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lê Văn T trả nợ cho bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H số tiền nợ gốc 8.512.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn T trả 8.512.000 đồng tiền tiền vay và mua phân bón là tranh chấp hợp đồng vay, mua bán tài sản. Ông T hiện đang cư trú tại Buôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đăklăk. Căn cứ vào theo quy định tại khoản 3 Điều 26,

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưMgar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về số nợ: Vào ngày 01/7/2018 ông T có đến đại lý của bà V và ông H mua 14 bao phân trị giá 8.820.000 đồng, cộng thêm nợ cũ tiền phân ngày 15/02/2017 là 1.984.000 đồng, mượn thêm 2.000.000 đồng. Tổng cộng 12.804.000 đồng. Đến ngày 26/7/2018 ông T vay thêm 3.000.000 đồng hẹn đến 20/12/2018 trả hết các khoản nợ trên nhưng sau đó đến ngày 29/12/2018 bà T1 vợ ông T mới trả cho ông T được 7.328.000 đồng, còn lại 8.512.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 18 tháng 12 năm 2019 ông T xác nhận còn nợ số tiền 8.512.000 đồng và đồng ý trả nợ nhưng sau đây không lên Tòa án làm việc.

Như vậy, việc ông Lê Văn T còn nợ tiền phân và tiền vay là có thật, việc xác lập hợp đồng vay và mua bán tài sản giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Việc ông T không trả được nợ khi đến hạn như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua, vay theo quy định tại Điều 440, Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Văn T có trách nhiệm trả nợ cho bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H số tiền 8.512.000 đồng là phù hợp.

[3.2] Về lãi suất: Do nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận với nhau. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất là 10%/ năm (0,83%/tháng) kể từ ngày 30/12/2018 để tính lãi đối với khoản tiền 8.512.000 đồng tính đến ngày xét xử. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận cụ thể lãi suất phát sinh được tính như sau:

- Từ ngày 30/12/2018 đến ngày xét xử 21/9/2020 là:

$8.512.000 \text{ đồng} \times 631 \text{ ngày} \times 0,83\% : 30 = 1.485.997 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền mà bị đơn ông T có có trách nhiệm trả cho ông H và bà V là 9.997.997 đồng. Trong đó: nợ gốc là 8.512.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 1.485.997 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 9.997.997 đồng x 5% = 499.899 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, Điều 440, Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 357, Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng khoản 1 khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H.

Buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H số tiền 9.997.997 đồng. Trong đó: nợ gốc là 8.512.000 đồng, tiền lãi suất phát sinh là 1.485.997 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Lê Văn T phải chịu 499.899 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị V và ông Huỳnh Mộng H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền 330.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0004190 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Huyền Diệu